

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 22/2017/DS-ST

Ngày: 02/8/2017.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hà Hữu Hiền.

Ông Đào Khel.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Chí Thức là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 7 năm 2017 và ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 181/2016/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2017/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV.

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ree, Số 09 đường Đoàn Văn Bơ, Phường K, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Nguyệt H, trú tại: Số 25/28 đường Lý Tự Trọng, khóm A, phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo văn bản ủy quyền ngày 07/7/2017 (có mặt).

**- Bị đơn:** Bà **Trần Thị Kim C**, sinh năm: 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Số 73/89 đường Phú Lợi, khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2016 của Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV và lời khai của bà Nguyễn Ngọc Nguyệt H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình xét xử thì:*

Vào ngày 10/01/2015 bà Trần Thị Kim C có ký hợp đồng tín dụng số 20150110-112010-0004 với Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV (Sau đây gọi tắt là Công ty tài chính) để vay số tiền 45.292.370 đồng, với lãi suất 4.59%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà Trần Thị Kim C có trách nhiệm thanh toán số tiền 96.050.894 đồng (gồm tiền gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng, tháng đầu tiên trả 2.771.894 đồng, kể từ tháng thứ hai trở về sau mỗi tháng trả 2.595.000 đồng, tháng cuối cùng trả 5.049.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/03/2015. Cùng ngày 10/01/2015 Công ty tài chính và bà C có ký kết văn bản thỏa thuận tắt toán hợp đồng tín dụng trước thời hạn và nhận khoản vay mới, nội dung bà C đồng ý dùng số tiền vay là 45.292.370 đồng để trả số tiền 25.931.156 đồng còn nợ của hợp đồng tín dụng số 20140415-112033-0001 ngày 15/4/2014 đã ký giữa Công ty tài chính với bà C. Thực hiện hợp đồng, bà C đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và chỉ thanh toán cho Công ty tài chính tính đến ngày 30/11/2015 với số tiền là 13.137.000 đồng (trong đó tiền gốc: 2.210.000 đồng, tiền lãi là 10.927.000 đồng). Kể từ ngày 30/11/2015 đến nay, bà Trần Thị Kim C không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào nữa. Nay Công ty tài chính yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị Kim C có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tài chính số tiền tổng cộng: 69.099.326 đồng, trong đó tiền gốc là 43.082.370 đồng và tiền lãi là 26.016.956 đồng, bao gồm khoản tiền nợ đến hạn là 38.939.894 đồng (tiền gốc là 12.922.938 đồng + tiền lãi đến hạn 26.016.956 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01/8/2015 đến ngày 15/10/2016 với lãi suất 4.59%/tháng theo dư nợ gốc giảm dần) và toàn bộ khoản nợ gốc chưa đến hạn là 30.159.432 đồng. Kể từ ngày 16/10/2016 trở về sau không yêu cầu tính lãi. Nhưng khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty tài chính thì bà C phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/4/2017; biên bản hòa giải ngày 26/4/2017 và trong quá trình xét xử bị đơn bà Trần Thị Kim C trình bày:*

Bà thừa nhận bà có ký hợp đồng tín dụng số 20150110-112010-0004 ngày 10/01/2015 để vay số tiền 45.292.370 đồng, với lãi suất 4.59%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, thỏa thuận bà thanh toán cho Công ty tài chính số tiền 96.050.894 đồng (gồm tiền gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng, tháng đầu tiên trả 2.771.894 đồng, kể từ tháng thứ hai trở về sau mỗi tháng trả 2.595.000 đồng, tháng cuối cùng trả 5.049.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/03/2015. Cùng ngày 10/01/2015 Công ty tài chính và bà có ký kết văn bản thỏa thuận tắt toán hợp đồng tín dụng trước thời hạn và nhận khoản vay mới, nội dung bà đồng ý dùng số tiền vay là 45.292.370 đồng để trả số tiền 25.931.156 đồng còn nợ của hợp đồng tín dụng số 20140415-112033-0001 ngày 15/4/2014 đã ký giữa Công ty tài chính với bà. Thực hiện hợp đồng, bà đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính số tiền là 13.137.000 đồng (trong đó tiền gốc: 2.210.000 đồng, tiền lãi là 10.927.000 đồng) như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là đúng, kể từ ngày 30/11/2015 đến nay bà không thanh toán cho Công ty tài chính được khoản vốn và lãi nào. Nay bà đồng ý trả toàn bộ số tiền

vốn và tiền lãi tổng cộng là 69.099.326 đồng còn nợ cho Công ty tài chính nhưng xin trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi hết nợ, vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà đang gặp khó khăn.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV yêu cầu bà Trần Thị Kim C trả số tiền vốn vay **43.082.370 đồng và tiền lãi là 26.016.956 đồng** (tính từ ngày 01/8/2015 đến ngày làm đơn khởi kiện 15/10/2016), kể từ ngày 16/10/2016 trở về sau không yêu cầu tính lãi. Theo đó, Công ty tài chính đã cung cấp cho Tòa án bản sao Hợp đồng tín dụng số 20150110-112010-0004 ngày 10/01/2015 giữa Công ty tài chính với bên vay là bà Trần Thị Kim C và bản sao văn bản thỏa thuận tất toán hợp đồng tín dụng trước thời hạn và nhận khoản vay mới ngày 10/01/2015. Xét thấy, tại phiên tòa bà C thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng, văn bản thỏa thuận và đã nhận đủ số tiền vốn vay nêu trên. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa Công ty tài chính với bà Trần Thị Kim C có giao kết Hợp đồng tín dụng số 20150110-112010-0004 và văn bản thỏa thuận cùng ngày 10/01/2015.

[2] Theo Hợp đồng tín dụng số 20150110-112010-0004 và văn bản thỏa thuận cùng ngày 10/01/2015 thì bà C có vay của Công ty tài chính số tiền là **45.292.370 đồng**, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay là 4.59%/tháng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân. Các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà C đã không thực hiện việc trả tiền vốn và lãi vay theo đúng thỏa thuận, cụ thể sau khi vay bà C chỉ trả được số tiền 13.137.000 đồng (trong đó tiền gốc: 2.210.000 đồng, tiền lãi là 10.927.000 đồng) từ ngày 30/11/2015 đến nay thì không

trả nữa. Nay Công ty tài chính yêu cầu bà C phải trả cho Công ty tài chính số tiền vốn vay **43.082.370 đồng**. Xét thấy, bà C đã nhận tiền vay của Công ty tài chính số tiền là **45.292.370 đồng** nhưng đến nay bà C mới trả cho Công ty tài chính số tiền vốn vay 2.210.000 đồng, còn nợ lại **43.082.370 đồng**. Như vậy bà C đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn theo thỏa thuận nên đã vi phạm vào **Điều 4 và Điều 7 của** hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, cần buộc bà C có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính số tiền vốn vay là **43.082.370 đồng** theo yêu cầu của Công ty tài chính là có căn cứ.

[3] Về lãi suất: Công ty tài chính yêu cầu tính lãi suất trong hạn là 4.59%/tháng, tính từ ngày 01/8/2015 đến ngày làm đơn khởi kiện là ngày 15/10/2016 (lãi suất giảm dần theo dư nợ gốc), kể từ ngày 16/10/2016 trở về sau không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập Hợp đồng là 4.59%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định: “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả*”; Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 quy định “1. *Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.* 2. *Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng*”. Nên yêu cầu tính lãi của Công ty tài chính là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 01/8/2015 đến ngày 15/10/2016 là 26.016.956 **đồng**.

Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay mà bà C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính là 69.099.326 **đồng**, trong đó, tiền vốn là **43.082.370 đồng**, tiền lãi trong hạn là 26.016.956 đồng.

[4] **Đối với yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn**, khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty tài chính thì bà C phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, **xét thấy yêu cầu này là phù hợp với quy định tại** khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] **Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.**

[6] Về ý kiến của bà Trần Thị Kim C yêu cầu được trả cho Công ty tài chính mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, do yêu cầu này không được bà H là người đại diện theo ủy quyền của Công ty tài chính đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Yêu cầu này sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của Công ty tài chính được chấp nhận nên Công ty tài chính không phải chịu án phí. Bà Trần Thị Kim C phải chịu án phí với số tiền là 69.099.326 đồng x 5% = 3.454.966 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV.

2. Buộc bà Trần Thị Kim C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV tổng số tiền vốn và lãi vay là 69.099.326 đồng (sáu mươi chín triệu, không trăm chín mươi chín ngàn, ba trăm hai mươi sáu đồng), trong đó, tiền vốn là 43.082.370 đồng, tiền lãi trong hạn là 26.016.956 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim C phải chịu số tiền 3.454.966 đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm sáu mươi sáu đồng).

Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV không phải chịu án phí sơ thẩm

Hoàn trả cho Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.727.400 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn bốn trăm đồng) theo biên lai thu số 0003427 ngày 14/12/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Huỳnh Thị Bích Tuyền**